

Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày 25 - 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vy Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Bằng

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng tư pháp huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

2. Ông Hoàng Công Hòa

Nghề nghiệp: Công chức

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Dương Mai Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử
sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với
bị cáo:

Nguyễn Văn L (*Tên gọi khác: Không có*), sinh ngày 12/10/1996 tại thôn L,
xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện
B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; con ông
Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 và bà Bé Thị B, sinh năm 1972; có vợ Dương Thị
T, sinh năm 1995 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh tháng
5/2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ
Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24/4/2017 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Công T là Luật sư thuộc Đoàn luật sư
tỉnh Lạng Sơn - Cộng tác viên trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp
lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt có lý do; bị cáo đồng ý xử vắng mặt người
bào chữa.

Người bị hại: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Bà Bé Thị B, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Anh Hoàng Thanh S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 23/4/2017, Công an huyện Bắc Sơn nhận được tin báo của ông Hoàng Văn N, về việc sáng ngày 23/4/2017 gia đình ông bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 12S1- 07291 khi để ở sân nhà. Nhận được tin báo Công an huyện B đã xác minh, điều tra và xác định được Nguyễn Văn L là người thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô đó.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn L khai nhận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/4/2017 Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô của gia đình, biển kiểm soát 12S1-02161 ra Trung tâm y tế huyện B để uống thuốc Methadone. Khi đi đến đoạn gần nhà ông Hoàng Văn N, thì xe của L bị hỏng, nên L dựng xe ngoài đường và đi bộ vào nhà ông N, mục đích là để mượn xe đi tiếp. Khi vào đến nhà thấy có một xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu sơn xanh-đen-bạc, để ở ngoài sân nhưng không có người ở nhà, L mở cửa đi xuống bếp thì thấy có chiếc chìa khóa xe mô tô treo ở trên cột bếp. Nguyễn Văn L lấy chiếc chìa khóa đó ra cắm vào ổ khóa điện của xe và nổ máy, sau đó điều khiển xe vào trung tâm y tế huyện B để uống thuốc Methadone. Sau khi dùng thuốc xong Nguyễn Văn L ra lấy xe và mở cốp thì thấy trong cốp có giấy tờ xe mang tên chủ xe Hoàng Văn Đ, lúc này Nguyễn Văn L nảy sinh ý định lấy chiếc xe đem bán. Nguyễn Văn L liền rủ Nguyễn Văn A là người nghiện, cùng dùng thuốc với L tại Trung tâm y tế huyện, để cùng sang huyện B bán xe, trên đường đi Nguyễn Văn A có hỏi L bán xe mô tô của ai, L bảo bán xe của vợ. Cả hai người đi sang B đến cửa hàng mua bán xe mô tô Hiền Vân, thì gặp anh Hoàng Thanh S là thợ sửa chữa xe tại cửa hàng. Nguyễn Văn L đã chủ động giao dịch thỏa thuận với anh S và thống nhất bán chiếc xe này với giá 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*). Sau khi bán được xe Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn A cùng nhau quay về thị trấn B, mua 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) ma túy về cùng nhau sử dụng, số tiền còn lại Nguyễn Văn L cất giữ. Sau khi bị phát hiện Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe và ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/HĐ-ĐG ngày 24/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng

của huyện B kết luận, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HODA Wave BKS 12S1-07291 có giá trị 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với Nguyễn Văn A được Nguyễn Văn L rủ đi bán xe, nhưng không biết đó là xe do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự.

Đối với Hoàng Thanh S là người mua chiếc xe mô tô này, nhưng cũng không biết là xe trộm cắp, nên cũng không có căn cứ xử lý hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn N yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô của gia đình.

Anh Hoàng Thanh S yêu cầu bắt bị cáo Nguyễn Văn L trả lại số tiền 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*), mà anh đã dùng mua chiếc xe mô tô trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của ông Hoàng Văn N, tại thôn L, xã T, huyện B vào ngày 23/4/2017 bị cáo lấy xe mô tô của gia đình, đi ra Trung tâm y tế huyện B để uống thuốc Methadone cai nghiện. Trên đường đi do xe bị cáo bị hỏng không thể tiếp tục đi xuống bệnh viện để uống thuốc điều trị cai nghiện, bị cáo vào nhà ông N, quan hệ với bị cáo là bác rể, khi vào nhà không thấy có ông N ở nhà, trong sân có chiếc xe mô tô, bị cáo chỉ nghĩ vào nhà tự tìm chìa khóa xe của gia đình, để đi tiếp xuống bệnh viện cho kịp dùng thuốc. Sau khi uống thuốc xong, bị cáo mở cốp xe thấy có giấy tờ đăng ký xe và lúc này do không kiểm soát được ý trí, mới nảy sinh chiếm đoạt xe mô tô của ông N là đem sang huyện B bán. Việc Công an khởi tố, bắt tạm giữ, tạm giam để điều tra là đúng pháp luật. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không thắc mắc oan sai. Nay rất ân hận, đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét cho bị cáo đã thành khẩn nhận tội, được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bị hại trình bày vào buổi sáng ngày 23/4/2017 cả gia đình đi hái lá thuốc lá, xe mô tô dựng ngoài sân như mọi ngày, đến buổi trưa quay về thì không thấy xe và nghĩ bị mất trộm nên đến trình báo Công an. Nay chiếc xe đã được tìm thấy, cho gia đình xin lại để xử dụng và không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn gì thêm.

Lời trình bày của Hoàng Thanh S là người được giao dịch, thỏa thuận mua bán xe trộm cắp của bị cáo, do không biết xe này do trộm cắp mà có, khi hỏi mua được bị cáo cho xem giấy đăng ký chính chủ xe. Mục đích mua về sử dụng, nay bị Công an thu giữ xe, số tiền bỏ ra mua xe là ngay thẳng, đề nghị Hội đồng xét xử bắt bị cáo phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua chiếc xe này.

Bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 07 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thực hiện quyền công tố, phát biểu luận tội và đề nghị: Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn nhận tội, được thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình ông Hoàng Văn N trú tại thôn L, xã T, huyện B đem bán lấy tiền tiêu sài

cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, với hành vi lén lút lấy trộm tài sản, sau đó đem bán lấy tiền nhằm chiếm đoạt tài sản đã trộm cắp được. Hành vi đó là coi thường pháp luật và tài sản của người khác, ngoài ra còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng tới tâm lý đời sống của người dân trong thôn. Lời khai nhận đó là phù hợp với các chứng cứ buộc tội trong hồ sơ, do vậy đã có đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo là người nghiện ma túy tại địa phương. Tình tiết tăng nặng về nhân thân không có. Tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 và ghi nhận bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống vùng sâu, xa, thuộc diện nhà nước phải trợ giúp miễn phí, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ áp dụng thêm cho bị cáo theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nhưng vẫn cần thiết phải xử bị cáo một mức án tù giam, mới có tác dụng phòng, chống tội phạm. Do vậy đề nghị xử bị cáo mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù giam. Về xử lý vật chứng trong vụ án, đề nghị trả lại cho chủ sở hữu chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe, chìa khóa xe. Về trách nhiệm dân sự bắt bị cáo phải hoàn trả cho anh Hoàng Thanh S toàn bộ số tiền đã bỏ ra mua chiếc xe này. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, là người nghiện, không có tài sản riêng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, vào buổi sáng ngày 23/4/2017 trên đường đi ra bệnh viện huyện B, để uống thuốc cai nghiện theo định kỳ. Khi đến đoạn đường gần nhà ông Hoàng Văn N thì xe mô tô của bị cáo bị hỏng, bị cáo bỏ xe lại và vào nhà ông N (Là bác rể), mục đích là mượn xe mô tô của ông N để tiếp tục ra Bệnh viện. Nhưng vào trong nhà không có người ở nhà, bị cáo xuống bếp nhìn thấy chìa khóa xe treo trên cột bếp, nên tự ý ra lấy xe để đi ra Bệnh viện. Sau khi dùng thuốc xong lấy xe và mở cốp thì thấy có giấy đăng ký xe, lúc này bị cáo nảy sinh ý đồ đem bán chiếc xe này để tiêu sài vì cho rằng sẽ không ai biết việc bị cáo trộm cắp và xe có giấy đăng ký thì dễ bán được, nên mới rủ Nguyễn Văn A là người cùng dùng thuốc cai nghiện với bị cáo, để sang huyện B bán chiếc xe, nhưng không nói cho biết xe này là do trộm cắp mà có. Chiếc xe được bán cho anh Hoàng Thanh S 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*), cả giấy đăng ký xe, sau khi bán được xe có tiền bị cáo cùng Nguyễn Văn A về thị trấn B cùng nhau mua ma túy về sử dụng và ăn tiêu, còn lại 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) sau khi bị phát hiện đã đem nộp tại Công an huyện B.

Căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo, về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình ông Hoàng Văn N, là phù hợp với việc khai, trình báo của gia đình bị hại Hoàng Văn N, lời khai làm chứng của anh Nguyễn Văn A là người cùng đi bán chiếc xe này, lời khai báo của anh Hoàng Thanh S là người mua chiếc xe; biên

bản thu giữ tài sản vật chứng là chiếc xe mô tô, chiếc xe này đã được gia đình ông Hoàng Văn N công nhận chiếc xe có biển kiểm soát là 12S1- 07291, nhãn hiệu HONDA Wave màu sơn xanh-đen-bạc, đăng ký xe của gia đình. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện Bắc Sơn đã định giá kết luận “Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 12S1-07291 có giá trị 12.500.000 đồng”. Về hành vi quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đây là hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là lén lút, lợi dụng chủ quản lý tài sản không có nhà đã tự ý lấy tài sản của gia chủ mà người quản lý tài sản không biết mình bị lấy tài sản. Bị cáo khai rằng lúc đầu chỉ có ý định mượn vắng mặt gia chủ, chứ không có ý định trộm cắp, nhưng hành vi lén lút tự ý vào nhà, thấy không có người ở nhà, tự tìm chìa khóa xe, tự ý lấy xe đi như đã được tính toán và có chủ ý từ trước. Những hành động này đã cấu thành hành vi trộm cắp tài sản, còn việc bị cáo bán xe chỉ là nhằm để chiếm đoạt tài sản mà thôi, hành vi phạm tội của bị cáo là coi thường pháp luật và tài sản của người khác, đồng thời còn ảnh hưởng tới an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng của cộng đồng dân cư trong vùng. Với trị giá tài sản mà bị cáo trộm cắp, như Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện B, thì chiếc xe mô tô này có giá trị 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo là tội Trộm cắp tài sản, tội đó được quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xã hội lên án nhưng vẫn cố ý thực hiện, mặt khác bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, tuy đang được điều trị cai nghiện tại Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn, nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ, mà còn dẫn đến vi phạm pháp luật nghiêm trọng hơn. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo là coi thường pháp luật, mất an ninh trật tự, gây cản trở đường lối, chủ trương của Nhà nước trong công tác quản lý, đấu tranh, phòng chống tội phạm, nhất là địa phương bị cáo sinh sống chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc vùng sâu, xa, việc tuyên truyền pháp luật của Nhà nước tới người dân vẫn còn những khó khăn, hạn chế.

Về tình tiết tăng nặng nhân thân: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, nhận tội nên được chấp nhận và coi làm tình tiết giảm nhẹ; ngoài ra hoàn cảnh gia đình bị cáo sinh sống vùng sâu, xa, kinh tế khó khăn, được Nhà nước hỗ trợ về đời sống và trợ giúp pháp lý miễn phí, nên cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ theo Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, nhưng cần áp dụng xử phạt bị cáo một mức án tù giam cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời còn mang tính giáo dục chung và phòng ngừa riêng, đáp ứng được công tác phòng, chống những hành vi vi phạm pháp luật trong cộng đồng người Dao của địa phương.

Về vật chứng:

Xét thấy vật chứng là chiếc xe mô tô, giấy đăng ký xe, chìa khóa xe của gia đình ông Hoàng Văn N nên trả lại, để gia đình quản lý, sử dụng.

Trả lại cho anh Hoàng Thanh S số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), trong tài khoản Chi cục thi hành án huyện B; số tiền còn lại là 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) bắt bị cáo tiếp tục hoàn trả.

Ghi nhận người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhận được tài sản và sẽ không có yêu cầu bồi thường thêm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và truy thu đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản riêng, bản thân nghiện ma túy, không có công việc ổn định.

Nhận định trên của Hội đồng xét xử cũng phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trước phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 42 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bắt bị cáo Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho anh Hoàng Thanh S địa chỉ thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Số tiền 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Hoàng Văn N địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện B 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn xanh- đen- bạc; biển kiểm soát 12S1-07291; 01 (*Một*) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, tên chủ xe Hoàng Văn Đ; địa chỉ thôn L, xã T, huyện B; 01 (*Một*) chìa khóa xe mô tô.

- Trả lại cho anh Hoàng Thanh S; địa chỉ cư trú tại thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) tại tài khoản 3591.0.1054602.00000 của Chi cục thi hành án huyện B, kho bạc nhà nước huyện Bắc Sơn. Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền của Công an huyện B ngày 19/6/2017.

Vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 20/ 6 /2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự. Tổng phải chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- UBND xã T;
- (*Thay thông báo kết quả xét xử*);
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vy Ngọc Linh